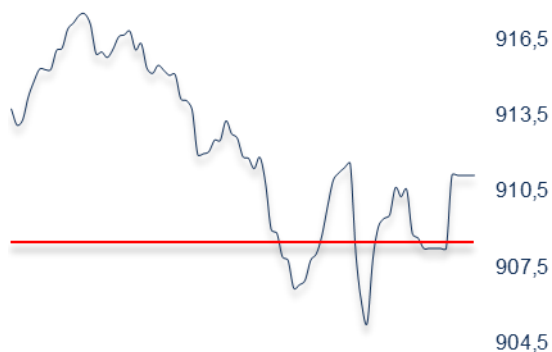
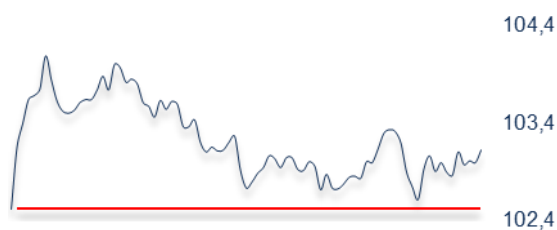
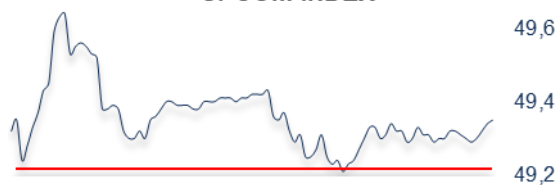


VN-INDEX


Giá trị đóng cửa	911,11
Biến động (%)	0,15%
KL(triệu CP)	136,2
Giá trị (tỷ đồng)	3.476,6
SLCP tăng giá	154
SLCP giảm giá	107
SLCP đứng giá	68

HNX-INDEX


Giá trị đóng cửa	103,12
Biến động (%)	0,59%
KL(triệu CP)	37,0
Giá trị (tỷ đồng)	443,3
SLCP tăng giá	90
SLCP giảm giá	63
SLCP đứng giá	61

UPCOM-INDEX


Giá trị đóng cửa	49,30
Biến động (%)	0,06%
KL(triệu CP)	10,5
Giá trị (tỷ đồng)	141,2
SLCP tăng giá	72
SLCP giảm giá	59
SLCP đứng giá	46

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Giao dịch phân hóa diễn ra tại hầu hết các nhóm cổ phiếu, VN-Index giằng co trong biên độ hẹp và đóng cửa với mức tăng nhẹ. Thanh khoản chưa có dấu hiệu hồi phục.

Kết thúc phiên đầu tuần, VN-Index tăng 1,39 điểm (+0,15%) lên mức 911,11 điểm. Độ rộng thị trường nghiêng về số mã tăng điểm (154 mã tăng/107 mã giảm).

Trong phiên cuối tuần trước, nhờ lực đỡ từ nhóm cổ phiếu ngân hàng cùng với GAS và HPG, VN-Index đã hồi phục mạnh và tiến sát ngưỡng 910 điểm khi đóng cửa. Diễn biến tích cực tiếp tục được duy trì khi thị trường bước vào phiên giao dịch đầu tuần mới. VRE, VIC, VHM, VJC, SSI, BVH... cùng các mã ngân hàng (BID, CTG, MBB, VCB, STB, VPB...) đồng loạt ghi nhận mức tăng tốt và hỗ trợ chỉ số tăng gần 5 điểm lên chỉ sau phiên ATO. Tuy nhiên, dòng tiền tham gia vào thị trường vẫn ở mức thấp khiến đà tăng của VN-Index thiếu độ tin cậy. Sau khi mức cao nhất ngày tại 917,63 điểm, lực cung dần gia tăng trở lại đẩy nhiều cổ phiếu vốn hóa lớn đảo chiều giảm điểm (GAS, SAB, TCB, VHM...). Chỉ số đánh mất gần như toàn bộ số điểm ghi được đầu phiên và dừng ở 911,7 điểm khi kết thúc phiên sáng. Bước sang phiên chiều, giao dịch tiếp tục diễn ra chậm với thanh khoản thấp. Thị trường phân hóa mạnh khiến VN-Index liên tục giằng co trong biên độ hẹp quanh mốc tham chiếu và đóng cửa tại 911,11 điểm.

- Nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn phân hóa mạnh: Trong khi VRE (+3,6%), VNM (+1%), VCB (+0,2%), BID (+2,8%), CTG (+0,9%) hỗ trợ đà tăng của VN-Index trong phiên sáng thì áp lực bán đến từ VHM (-3%), VIC (-0,5%), GAS (-0,7%), MSN (-0,9%),... đã kìm hãm đà tăng của chỉ số. Trong đó VHM làm đánh mất 1,64 điểm của VN-Index.
- Nhóm cổ phiếu ngân hàng tiếp tục là trụ cột nâng đỡ quan trọng của VN-Index khi hầu hết các mã trong ngành đều đóng cửa trong sắc xanh (BID, VCB, CTG, MBB, STB, VPB, HDB,...), trong đó BID và VCB được khối ngoại mua ròng lần lượt 293.680 cp và 178.530 cp. Chiều ngược lại, TCB giao dịch trong sắc đỏ gần như toàn bộ thời gian của phiên và chỉ kịp lấy lại mốc tham chiếu trong phiên ATC.
- Tại nhóm cổ phiếu vừa và nhỏ, HAG tiếp tục có phiên tăng trần thứ 2 liên tiếp và đóng cửa ở mức 5.720 đồng/cp. HNG cũng tăng gần 3% lên 12.050 đồng/cp. Các mã khác như AMD, FLC, KBC, HAR,... cũng ghi nhận mức tăng tốt.

Tổng khối lượng giao dịch đạt 136,2 triệu cổ phiếu, trị giá hơn 3.476,7 tỷ đồng. Trong đó, giao dịch thỏa thuận đạt hơn 1.216,5 tỷ đồng với các thỏa thuận lớn của VIC (576,2 tỷ đồng), NVL (122,1 tỷ đồng), VNM (119,9 tỷ đồng)... Các mã dẫn đầu khối lượng khớp lệnh bao gồm FLC (9,3 triệu đơn vị), HAG (8,9 triệu đơn vị), MBB (6,7 triệu đơn vị), CTG (5,1 triệu đơn vị)...

Nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục bán ròng hơn 59,6 tỷ đồng trên cả hai sàn, trong đó họ bán ròng 87,7 tỷ đồng trên sàn HSX và mua ròng trở lại 28,1 tỷ đồng trên sàn HNX. Trên sàn HSX, chỉ có hai mã được mua ròng trên 10 tỷ đồng là VRE (+16,2 tỷ đồng) và KDC (+15,7 tỷ đồng). Ngược lại, VIC (-83,4 tỷ), VNM (-17,7 tỷ), DHG (-11,8 tỷ) và HDB (-10,9 tỷ) là những mã bị bán ròng nhiều nhất. Trên sàn HNX, khối ngoại chủ yếu mua ròng VGC (+12,0 tỷ đồng) và IVS (+16,8 tỷ đồng).

Lực cầu dần hạ nhiệt, HNX-Index thu hẹp đà tăng nhưng vẫn giữ vững sắc xanh trong toàn phiên. Cụ thể, chỉ số đóng cửa tăng 0,81 điểm (tương

đương 0,44%) lên mức 103,12 điểm.

Mở cửa đầu phiên sáng, lực cầu hoạt động mạnh, đặc biệt tại ACB và VCS giúp HNX-Index tăng lên mức cao nhất phiên tại 104,11 điểm. Tuy nhiên mức tăng dần thu hẹp ngay sau đó khi lực cầu hạ nhiệt tại nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn và đã giảm đến từ nhóm các cổ phiếu vừa và nhỏ như CEO (-0,8%), DGL (-0,3%), VNR (-0,9%),... Song chỉ số vẫn thành công bảo toàn sắc xanh cho đến hết phiên nhờ mức tăng nhẹ từ ACB (+0,9%), VCS (+1,5%), SHB (+1,3%),... Thống kê cụ thể toàn thị trường ghi nhận 90 mã tăng, 63 mã giảm và 61 mã đứng giá.

Tổng khối lượng giao dịch đạt gần 37,1 triệu đơn vị, tương ứng giá trị giao dịch đạt gần 443,4 tỷ đồng. ACB tiếp tục đứng đầu thanh khoản sàn HNX khớp lệnh hơn 3,7 triệu đơn vị. Các vị trí kế tiếp thuộc về SHB, VGC, HUT, PVS,...

Sau phiên sáng rung lắc mạnh, UpCom-Index chuyển sang trạng thái giằng co biên độ hẹp quanh tham chiếu cho đến hết phiên. Chỉ số đóng cửa tăng 0,03 điểm (tương đương 0,06%) lên 49,3 điểm.

Lực cầu liên tục gia tăng tại nhóm cổ phiếu ACV, HVN, VIB,... từ đầu phiên nhanh chóng giúp UpCom-Index bật tăng lên mức cao nhất ngày tại 49,6 điểm. Tuy nhiên, đã tăng nhanh chóng thu hẹp ngay sau đó, chỉ số quay lại trạng thái giằng co nhẹ quanh mốc tham chiếu cho đến hết phiên. Trong đó bên cạnh sắc xanh nhẹ từ ACV (+0,1%), lực nâng đỡ chỉ số chủ yếu từ nhóm cổ phiếu vốn hóa trung bình như FOX (+7,6%), VIB (+4,5%), TVN (+1,1%), VIF (+13,5%), BSR (+2,1%), LPB (+2,9%).... ART đứng đầu thanh khoản toàn sàn với khối lượng khớp lệnh hơn 4,6 triệu đơn vị.

Tổng khối lượng giao dịch đạt hơn 10,5 triệu đơn vị, tương ứng với giá trị giao dịch hơn 141,2 tỷ đồng. Toàn sàn có 72 mã tăng giá, 46 mã đứng giá và 59 mã giảm giá.

TIN TỨC NỔI BẬT:

Thị trường mở: Tuần thứ hai bơm ròng: Theo dữ liệu ghi nhận của Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế MSB, trong tuần từ 9-12/7, thị trường mở tiếp tục xu hướng bơm ròng. Số liệu chưa đầy đủ cho thấy, tính từ ngày thứ Hai đầu tuần cho đến hôm thứ Năm vừa qua, Ngân hàng Nhà nước đã bơm ròng ra nền kinh tế trên 31,3 nghìn tỷ đồng. Ghi nhận diễn biến thị trường mở trong tuần cho thấy, việc bơm ròng có chiều hướng gia tăng: thứ Hai là 6,2 nghìn tỷ đồng; thứ Ba là 6,4 nghìn tỷ đồng; thứ Tư là 6,5 nghìn tỷ đồng; và thứ Năm là xấp xỉ 12,23 nghìn tỷ đồng. *(Chi tiết xem tại [đây](#))*

Tình hình sản xuất công nghiệp 6 tháng đầu năm 2018: Chỉ số sản xuất công nghiệp 6 tháng năm 2018 tăng 10,5% so với cùng kỳ năm trước (quý I tăng 12,9%, quý II tăng 8,4). Trong đó ngành công nghiệp chế biến, chế tạo và ngành sản xuất phân phối điện tiếp tục có mức tăng trưởng tốt (tăng 10,4% so với cùng kì). Sản xuất của nhóm ngành khai khoáng giảm 1,3%, đây là mức giảm thấp so với năm trước (cùng kỳ năm 2017 giảm 6,7%). Sản xuất của nhóm công nghiệp chế biến chế tạo tuy xu hướng tăng trưởng chậm dần nhưng vẫn tăng cao hơn so với cùng kỳ, giữ vững đà tăng trưởng với mức tăng 12,7% (cùng kỳ tăng 9,7%). *(Chi tiết xem tại [đây](#))*

Giá cả hàng hóa ngày 16/07: Giá dầu giảm do những lo ngại về gián đoạn nguồn cung giảm đi và các cảng của Libya khôi phục hoạt động xuất khẩu trong khi các thương nhân theo dõi tiềm năng nguồn cung tăng của Nga và các nhà sản xuất dầu mỏ khác. Cụ thể, dầu thô Brent kỳ hạn giảm 26 US cent hay 0,4% xuống 75,07 USD/thùng. Dầu WTI kỳ hạn giảm 27 US cent hay 0,4% xuống 70,74 USD/thùng. *(Chi tiết xem tại [đây](#))*

TIN DOANH NGHIỆP:**CTCP Thép Việt – Ý (VIS, HSX)** (*Chi tiết xem tại [đây](#)*)

Kyoel Steel LTD, tổ chức có liên quan đến TV.HĐQT và Phó Tổng giám đốc, đăng ký mua 2.000.000 cổ phiếu theo phương thức khớp lệnh. Thời gian dự kiến thực hiện giao dịch từ ngày 19/07/2018 đến ngày 16/08/2018.

CTCP Tập đoàn FLC (FLC, HSX)

1/ Nghị quyết HĐQT về việc thông qua chủ trương tăng vốn điều lệ của FLC Sầm Sơn: (*Chi tiết xem tại [đây](#)*)

- Vốn điều lệ hiện tại: 200 tỷ đồng
- Vốn điều lệ đăng ký thay đổi: 500 tỷ đồng

2/ Nghị quyết HĐQT về việc thông qua chủ trương tăng vốn điều lệ của Công ty TNHH Hàng không Tre Việt: (*Chi tiết xem tại [đây](#)*)

- Vốn điều lệ hiện tại: 700 tỷ đồng
- Vốn điều lệ đăng ký thay đổi: 1.300 tỷ đồng.

CTCP Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật (IJC, HSX) (*Chi tiết xem tại [đây](#)*)

Thông báo về ngày đăng ký cuối cùng trả cổ tức năm 2017 bằng tiền mặt:

- Ngày giao dịch không hưởng quyền: 19/07/2018
- Ngày đăng ký cuối cùng: 20/07/2018
- Tỷ lệ thực hiện: 10% bằng tiền mặt (01 cổ phần được nhận 1.000 đồng)
- Thời gian chi trả: 15/08/2018.

CTCP Đầu tư Năm Bầy Bầy (NBB, HSX) (*Chi tiết xem tại [đây](#)*)

Báo cáo về thay đổi sở hữu của cổ đông lớn: CTCP Đầu tư hạ tầng kỹ thuật TP.HCM đã mua 2.429.940 cổ phiếu, tăng tỷ lệ sở hữu từ 35,03% lên 37,53%. Ngày giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu: 11/07/2018.

CTCP Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận (PNJ,HSX) (*Chi tiết xem tại [đây](#)*)

Thông báo tạm ứng cổ tức bằng tiền mặt đợt 1 năm 2018:

- Ngày giao dịch không hưởng quyền: 08/08/2018
- Ngày đăng ký cuối cùng: 09/08/2018
- Tỷ lệ thực hiện: 10%/cổ phiếu(1 cổ phiếu được nhận 1.000 đồng)
- Thời gian thực hiện: 24/08/2018.

Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PVS, HNX) (*Chi tiết xem tại [đây](#)*)

- 6 tháng đầu năm, doanh thu hợp nhất của PTSC ước thực hiện 6.700 tỉ đồng, đạt 129% kế hoạch 6 tháng, bằng 52% kế hoạch năm. Lợi nhuận hợp nhất trước thuế ước đạt 340 tỉ đồng, đạt 121% kế hoạch 6 tháng, bằng 49% kế hoạch năm.

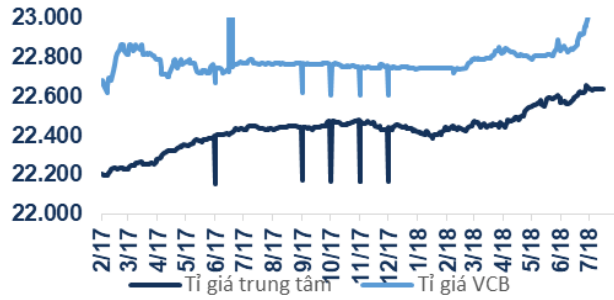
- Đặc biệt, 6 tháng đầu năm 2018, dịch vụ cơ khí dầu khí của PTSC có sự tăng trưởng tốt, với doanh thu ước thực hiện là 3.623 tỉ đồng, đạt 51% kế hoạch năm, tăng 26% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, PTSC tiếp tục tập trung hoàn thành phần công việc Dự án Sao Vàng Đại Nguyệt và chuẩn bị nguồn lực để thực hiện các dự án tiềm năng khác.

- Các dịch vụ cốt lõi khác của PTSC cũng đạt kết quả kinh doanh khả quan: Lĩnh vực dịch vụ căn cứ cảng dầu khí, ước đạt doanh thu 758 tỉ đồng, đạt 56% kế hoạch năm, tăng 9% so với cùng kỳ năm trước; dịch vụ vận chuyển, lắp đặt, đấu nối, vận hành, sửa chữa và bảo dưỡng (O&M) các công trình dầu khí ước đạt doanh thu 475 tỉ đồng, đạt 59% kế hoạch năm, tăng 25% so với cùng kỳ năm trước.

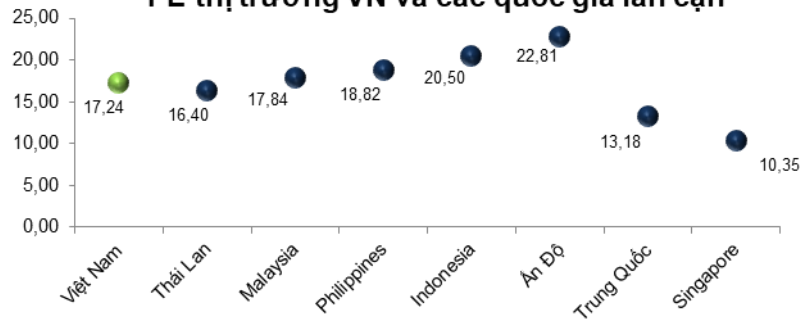
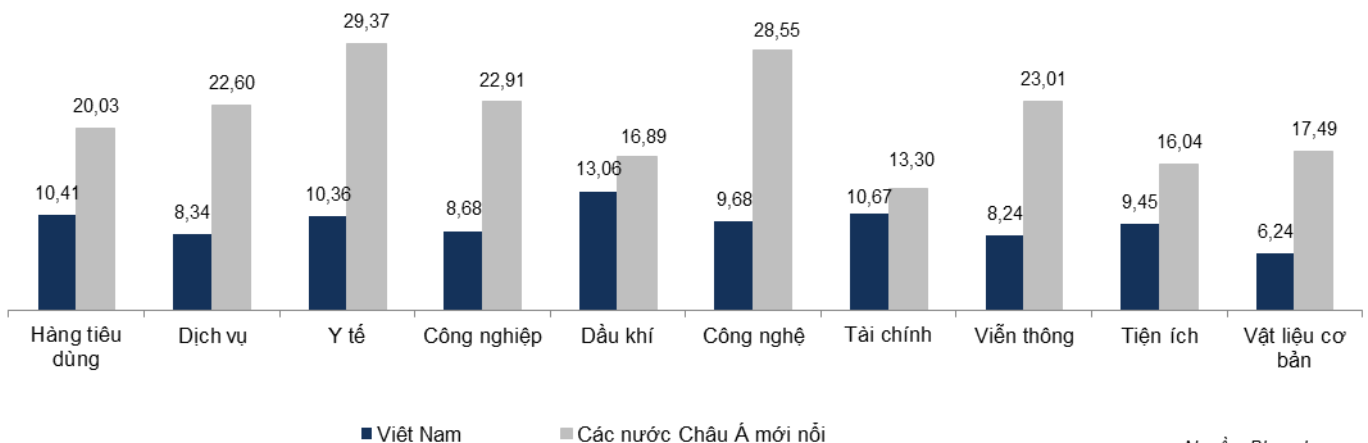
THỊ TRƯỜNG NGOẠI TỆ
Biến động một số loại tiền tệ

Cặp ngoại tệ	Tỷ giá		
	7/16/2018	Δ	YTD
USD/VND	23.080	0,00	1,47%
EUR/VND	27.041	104,06	-1,32%
JPY/VND	206,54	0,32	-0,79%
CNY/VND	3.506	-21,00	-3,89%

Nguồn: Vietcombank

Biến động Tỷ giá USD/VND

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI

Chỉ số	Giá trị	Biến động Δ	Biến động %
DJIAX	25.019	94,5	0,38%
NASDAQ	7.376	9,6	0,13%
S&P 500	2.801	3,0	0,11%
FTSE 100	7.640	-21,8	-0,28%
CAC 40	5.430	0,4	0,01%
SHANGHAI	2.814	-17,1	-0,61%
NIKKEI	22.597	409,4	1,85%

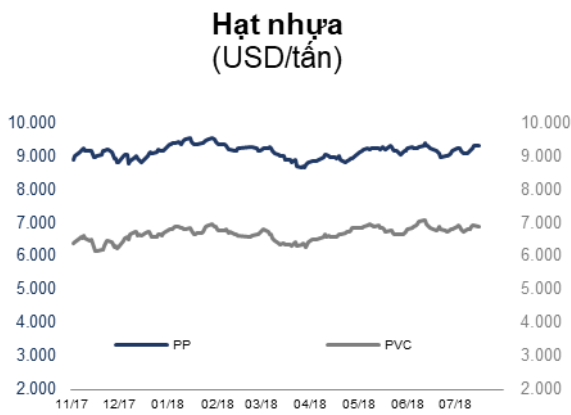
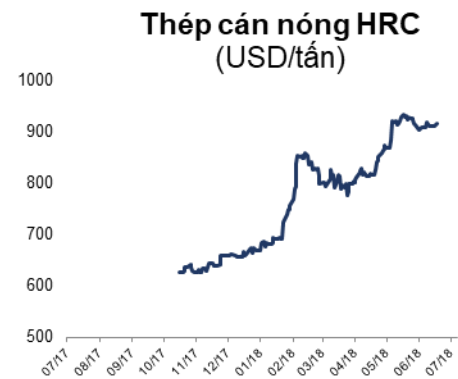
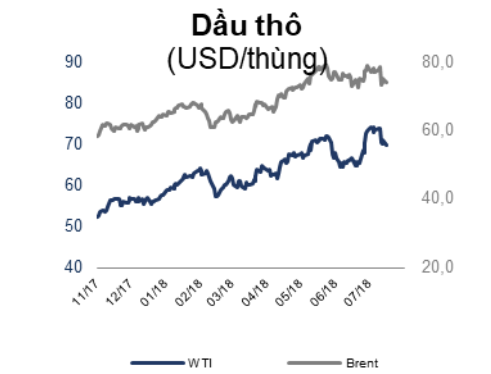
PE thị trường VN và các quốc gia lân cận

CHỈ SỐ PE THEO NGÀNH CỦA VIỆT NAM VÀ CÁC NƯỚC MỚI NỔI


Nguồn: Bloomberg

TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM
Biến động các chỉ số so với đầu năm


	Sàn HOSE					Sàn HNX					Sàn UPCOM				
	Tỷ trọng	Số lượng CP	Thay đổi	% cp tăng	% cp giảm	Tỷ trọng	Số lượng CP	Thay đổi	% cp tăng	% cp giảm	Tỷ trọng	Số lượng CP	Thay đổi	% cp tăng	% cp giảm
Tài chính	27,3%	42	-0,9%	54,8%	31,0%	49,6%	19	0,9%	26,3%	36,8%	0,0%	1	0,0%	0,0%	0,0%
Hàng tiêu dùng thiết yếu	24,1%	27	0,9%	48,1%	29,6%	20,1%	152	-0,3%	44,1%	24,3%	0,0%	1	0,0%	0,0%	0,0%
Dịch vụ điện - nước	3,0%	39	2,2%	46,2%	28,2%	7,5%	26	0,7%	34,6%	15,4%	0,0%	6	0,0%	0,0%	0,0%
Công nghiệp	7,7%	99	0,6%	41,4%	31,3%	3,0%	16	1,3%	31,3%	31,3%	0,2%	5	0,0%	0,0%	0,0%
Nguyên vật liệu	7,2%	22	-0,5%	54,5%	22,7%	5,0%	32	-3,8%	34,4%	40,6%	0,2%	16	5,6%	6,3%	6,3%
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	1,2%	12	0,0%	33,3%	41,7%	2,8%	36	-0,3%	36,1%	27,8%	0,0%	3	0,0%	0,0%	0,0%
CNTT	0,9%	7	0,7%	28,6%	28,6%	0,5%	5	-2,9%	0,0%	80,0%	0,0%	-	-	-	-
Năng lượng	20,4%	37	0,4%	43,2%	35,1%	0,9%	8	-5,4%	12,5%	75,0%	0,0%	6	-9,4%	16,7%	16,7%
Chăm sóc sức khỏe	0,4%	7	-1,0%	57,1%	42,9%	0,5%	12	0,7%	41,7%	41,7%	-	-	-	-	-
Không phân loại	0,01%	1	-6,74%	0,0%	100,0%	4,21%	49	-0,19%	30,6%	32,7%	-	-	-	-	-
Toàn thị trường	100,0%	359	0,2%	45,7%	32,6%	100,0%	384	0,1%	37,5%	30,5%	100,0%	761	-5,3%	4,7%	3,8%

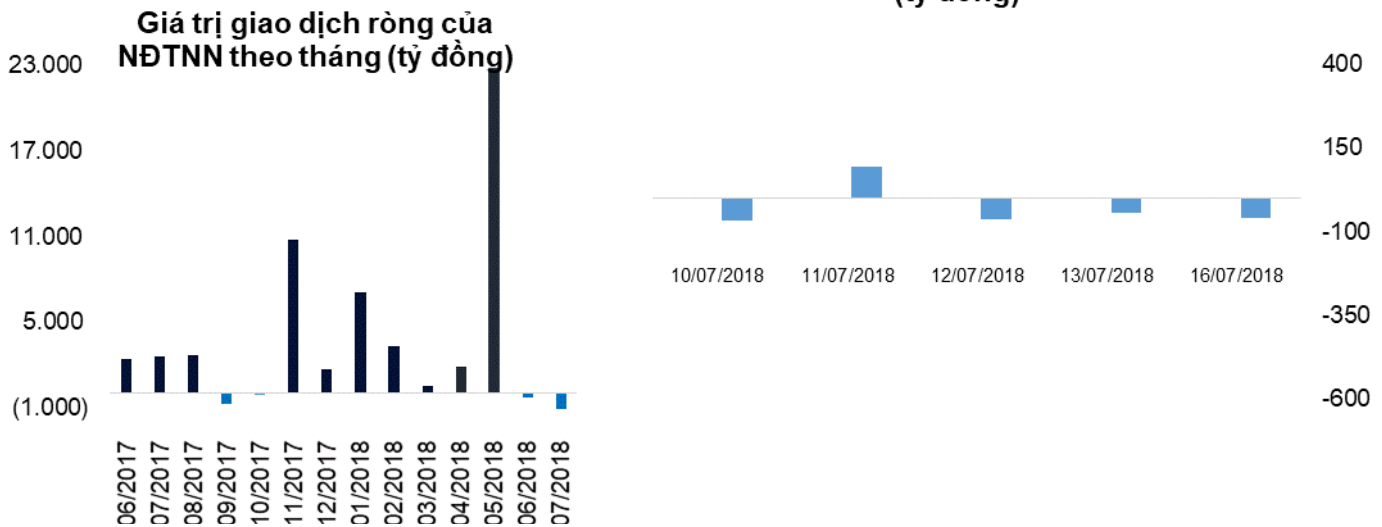
Nguồn: Bloomberg

THỊ TRƯỜNG HÀNG HÓA QUỐC TẾ


(Nguồn: Bloomberg)

GAO DỊCH KHỎI NGOẠI

Sàn	Khối lượng (triệu cp)				Giá trị (tỷ VND)			
	Mua	Bán	Mua - Bán	Tỷ lệ GTGD ròng/ Thị trường	Mua	Bán	Mua - Bán	Tỷ lệ GTGD ròng/ Thị trường
HOSE	12,73	13,91	-1,19	-0,88%	964,43	1.052,10	-87,67	-2,61%
HNX	2,21	0,53	1,68	4,52%	33,00	4,89	28,11	6,34%
Tổng	14,93	14,44	0,49	0,28%	997,43	1.056,99	-59,56	-1,56%

Giá trị giao dịch ròng của NĐTNN theo ngày (tỷ đồng)

HOSE Top mua ròng

Mã CK	Tổng khối lượng (CP)			Giá trị Mua ròng (1000 VND)	Tỉ trọng của NĐTNN/Toàn TT		
	Mua	Bán	Mua Ròng		Tổng KLGD toàn thị trường	Tỉ trọng mua NĐTNN	Tỉ trọng bán NĐTNN
KDC	456.980	1.600	455.380	15.712.600	509.550	89,7%	0,3%
VRE	969.550	538.070	431.480	16.168.597	1.464.760	66,2%	36,7%
BID	299.380	5.700	293.680	7.082.264	2.912.010	10,3%	0,2%
VCB	241.880	63.350	178.530	9.805.794	1.302.130	18,6%	4,9%
SCR	130.200	-	130.200	1.107.844	2.848.960	4,6%	0,0%
DPM	127.710	2.050	125.660	2.153.486	474.690	26,9%	0,4%
SSI	189.500	69.650	119.850	3.272.828	2.512.090	7,5%	2,8%
HCM	93.000	15.000	78.000	3.846.713	227.950	40,8%	6,6%
KDH	70.000	510	69.490	2.066.276	135.230	51,8%	0,4%
CTD	79.080	12.000	67.080	9.718.558	126.580	62,5%	9,5%
MSN	382.020	320.400	61.620	4.613.904	1.011.680	37,8%	31,7%
GEX	70.000	20.000	50.000	1.561.800	118.040	59,3%	16,9%
E1VFN30	46.300	-	46.300	686.360	60.480	76,6%	0,0%
BVH	45.990	9.080	36.910	2.764.033	84.450	54,5%	10,8%
CTG	35.650	2.000	33.650	770.220	5.097.690	0,7%	0,0%
NT2	30.910	-	30.910	809.935	189.900	16,3%	0,0%
PVT	29.430	-	29.430	449.154	39.910	73,7%	0,0%
TLD	28.960	180	28.780	280.184	1.748.110	1,7%	0,0%
DRC	27.460	-	27.460	632.553	231.210	11,9%	0,0%
CII	58.610	33.630	24.980	695.474	529.760	11,1%	6,3%

Top bán ròng

Mã CK	Tổng khối lượng (CP)			Giá trị Bán ròng (1000 VND)	Tỉ trọng của NDTNN /Toàn TT		
	Mua	Bán	Mua Ròng		Tổng KLGD toàn thị trường	Tỉ trọng mua NDTNN	Tỉ trọng bán NDTNN
VIC	5.932.040	6.746.540	(814.500)	(83.435.915)	6.923.340	85,7%	97,4%
HDB	19.960	344.400	(324.440)	(10.868.680)	1.286.340	1,6%	26,8%
FLC	33.320	357.030	(323.710)	(1.648.941)	9.311.470	0,4%	3,8%
HSG	26.750	342.640	(315.890)	(3.172.017)	1.851.300	1,4%	18,5%
DXG	746.310	1.035.980	(289.670)	(6.356.580)	3.497.070	21,3%	29,6%
ITA	-	165.620	(165.620)	(376.793)	838.640	0,0%	19,7%
DHG	490	116.260	(115.770)	(11.803.924)	291.540	0,2%	39,9%
STB	580	111.830	(111.250)	(1.177.175)	3.023.400	0,0%	3,7%
VNM	979.540	1.084.660	(105.120)	(17.686.827)	1.275.920	76,8%	85,0%
KBC	-	99.930	(99.930)	(1.135.633)	2.032.140	0,0%	4,9%
HPG	619.540	710.910	(91.370)	(3.157.901)	5.329.260	11,6%	13,3%
NVL	8.000	94.000	(86.000)	(4.430.912)	3.272.400	0,2%	2,9%
VHM	3.760	84.160	(80.400)	(8.691.323)	93.750	4,0%	89,8%
SBT	12.010	77.460	(65.450)	(987.132)	1.904.570	0,6%	4,1%
EVG	-	62.750	(62.750)	(325.185)	1.534.470	0,0%	4,1%
PLX	4.840	55.030	(50.190)	(2.727.201)	297.950	1,6%	18,5%
LCG	-	40.100	(40.100)	(362.103)	81.900	0,0%	49,0%
TDH	6.000	43.000	(37.000)	(432.554)	198.610	3,0%	21,7%
CTI	-	35.000	(35.000)	(1.039.956)	147.160	0,0%	23,8%
ROS	10	32.860	(32.850)	(1.459.971)	875.450	0,0%	3,8%

HNX
Top mua ròng

Mã CK	Mã CK			Giá trị Mua ròng (1000 VND)	Giá trị mua ròng (1000VND)		
	Mua	Bán	Mua Ròng		Tổng KLGD toàn thị trường	Tỉ trọng mua NDTNN	Tỉ trọng bán NDTNN
IVS	1.140.000	1.000	1.139.000	16.863.570	1.142.000	99,8%	0,1%
VGC	780.400	107.500	672.900	12.031.930	2.242.790	34,8%	4,8%
SHB	52.500	1.000	51.500	401.600	4.379.385	1,2%	0,0%
APS	150.000	116.900	33.100	105.210	178.400	84,1%	65,5%
PCG	11.000	-	11.000	217.800	13.100	84,0%	0,0%
BCC	10.800	-	10.800	66.960	22.330	48,4%	0,0%
HKB	9.000	-	9.000	15.300	68.900	13,1%	0,0%
VIX	8.000	-	8.000	46.400	29.000	27,6%	0,0%
SHS	6.200	-	6.200	77.520	964.910	0,6%	0,0%
PGT	5.300	-	5.300	21.200	10.771	49,2%	0,0%

Top bán ròng

Mã CK	Mã CK			Giá trị Mua ròng (1000 VND)	Giá trị bán ròng (1000VND)		
	Mua	Bán	Mua Ròng		Tổng KLGD toàn thị trường	Tỉ trọng mua NDTNN	Tỉ trọng bán NDTNN
KLF	-	144.000	(144.000)	(273.600)	892.821	0,0%	16,1%
MBG	-	50.000	(50.000)	(150.000)	1.063.290	0,0%	4,7%
CEO	-	49.526	(49.526)	(590.085)	588.857	0,0%	8,4%
DGC	-	20.000	(20.000)	(625.940)	28.600	0,0%	69,9%
SD9	-	8.500	(8.500)	(61.200)	42.610	0,0%	19,9%
HMH	100	7.000	(6.900)	(83.470)	23.900	0,4%	29,3%
KSD	-	4.800	(4.800)	(21.600)	7.500	0,0%	64,0%
MAS	1.600	4.700	(3.100)	(118.040)	5.165	31,0%	91,0%
VCS	100	2.300	(2.200)	(205.090)	616.080	0,0%	0,4%
VNR	-	2.000	(2.000)	(46.000)	2.000	0,0%	100,0%

DIỄN GIẢI KHUYẾN NGHỊ

Mức khuyến nghị trên dựa vào việc xác định mức chênh lệch giữa giá trị mục tiêu so với giá trị thị trường hiện tại của mỗi cổ phiếu nhằm cung cấp thông tin hữu ích cho nhà đầu tư trong thời gian đầu tư 12 tháng kể từ ngày đưa ra khuyến nghị.

Mức kỳ vọng 18% được xác định dựa trên mức lãi suất trái phiếu Chính phủ 12 tháng cộng với phần bù rủi ro thị trường cổ phiếu tại Việt Nam.

Khuyến nghị	Diễn giải
Kỳ vọng 12 tháng	
Mua	Nếu giá mục tiêu cao hơn giá thị trường trên 18%
Thêm	Nếu giá mục tiêu cao hơn giá thị trường từ 7% đến 18%
Theo dõi	Nếu giá mục tiêu so với giá thị trường từ -7% đến 7%
Giảm	Nếu giá mục tiêu thấp hơn giá thị trường từ -7% đến -18%
Bán	Nếu giá mục tiêu thấp hơn giá thị trường trên -18%

Tuyên bố miễn trách nhiệm

Các thông tin và nhận định trong báo cáo này được cung cấp bởi FPTS dựa vào các nguồn thông tin mà FPTS coi là đáng tin cậy, có sẵn và mang tính hợp pháp. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo tính chính xác hay đầy đủ của các thông tin này.

Nhà đầu tư sử dụng báo cáo này cần lưu ý rằng các nhận định trong báo cáo này mang tính chất chủ quan của chuyên viên phân tích FPTS. Nhà đầu tư sử dụng báo cáo này tự chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

FPTS có thể dựa vào các thông tin trong báo cáo này và các thông tin khác để ra quyết định đầu tư của mình mà không bị phụ thuộc vào bất kỳ ràng buộc nào về mặt pháp lý đối với các thông tin đưa ra.

Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này. Các thông tin có liên quan đến chứng khoán khác hoặc các thông tin chi tiết liên quan đến cổ phiếu này có thể được xem tại hoặc sẽ được cung cấp khi có yêu cầu chính thức.

Bản quyền © 2010 Công ty chứng khoán FPT

**Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT
Trụ sở chính**

Số 52 Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Q. Tây Hồ, Hà Nội, Việt Nam
ĐT: (84.24) 37737070 / 6271 7171
Fax: (84.24) 37739058

**Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT
Chi nhánh Tp.Hồ Chí Minh**

Tầng 3, tòa nhà Bến Thành Times Square, 136 – 138 Lê Thị Hồng Gấm, Q.1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
ĐT: (84.28) 62908686
Fax: (84.28) 62910607

**Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT
Chi nhánh Tp.Đà Nẵng**

100 Quang Trung, P.Thạch Thang, Quận Hải Châu TP. Đà Nẵng, Việt Nam
ĐT: (84.236) 3553666
Fax: (84.236) 3553888